|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GD&ĐT BẮC GIANG**  **TRƯỜNG THPT HIỆP HÒA SỐ 3** | **MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ, ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1**  **MÔN NGỮ VĂN LỚP 11** |

**I. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| ***Nhận biết***  *(Số câu)* | | ***Thông hiểu***  *(Số câu)* | | ***Vận dụng***  *(Số câu)* | | ***Vận***  ***dụng cao***  *(Số câu)* | |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| **1** | **Đọc**  (Văn bản hoặc đoạn trích có dung lượng khoảng 400 chữ) | -Truyện hiện đại  - Thơ hiện đại | **4**  **2,0 đ** | **0** | **3**  **1,5 đ** | **1**  **1 đ** | **0** | **1**  **1 đ** | **0** | **1**  **0,5đ** | **60** |
| **2** | **Thực hành tiếng Việt**  (kiến thức kỹ năng Tiếng việt đánh giá lồng vào Đọc hiểu và viết) | - Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết  - Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3.** | **Viết** | - Viết văn bản nghị luận về một đoạn trích/ tác phẩm truyện (Những đặc điểm trong cách kể của tác giả).  - Viết văn bản nghị luận về một đoạn trích/ tác phẩm thơ (Tìm hiểu câu từ và hình ảnh trong tác phẩm). | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1** | **40** |
| **Tỉ lệ điểm từng loại câu hỏi** | | | **20**  **%** | **10**  **%** | **15**  **%** | **25**  **%** | **0** | **20**  **%** | **0** | **10**  **%** | **100**  **%** |
| **Tỉ lệ điểm các mức độ nhận thức** | | | **30 %** | | **40 %** | | **20%** | | **10 %** | |
| **Tổng % điểm** | | | **70 %** | | | | **30 %** | | | |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị**  **kiến thức /**  **Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số lượng câu hỏi**  **theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng %** | |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** | |  |
| **1.** | **Đọc hiểu** | 1.Truyện hiện đại | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, câu chuyện, sự kiện, chi tiết tiêu biểu, không gian, thời gian, nhân vật trong truyện ngắn hiện đại.  - Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất), lời người kể chuyện, lời nhân vật trong truyện ngắn hiện đại.  - Nhận biết được điểm nhìn, sự thay đổi điểm nhìn; sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời của nhân vật.  - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện ngắn hiện đại.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện của truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại.  - Phân tích, lí giải được mối quan hệ của các sự việc, chi tiết trong tính chỉnh thể của tác phẩm.  - Phân tích được đặc điểm, vị trí, vai trò của của nhân vật trong truyện ngắn hiện đại; lí giải được ý nghĩa của nhân vật.  - Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản nhiều chủ đề) của tác phẩm.  - Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả thể hiện trong văn bản.  - Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của tác phẩm.  **Vận dụng:**  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm, cách nhìn của cá nhân với văn học và cuộc sống.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ văn bản.  **Vận dụng cao:**  - Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.  - So sánh được hai văn bản văn học cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn với tác phẩm. | **4** | **4** | **1** | **1** | | **60** |
|  | |
|
| 2.  Thơ hiện đại | **Nhận biết:**  - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận biết được cấu tứ, vần, nhịp, những dấu hiệu thể loại của bài thơ.  - Nhận biết được yếu tố tượng trưng (nếu có) trong bài thơ.  - Nhận biết được những biểu hiện của tình cảm, cảm xúc trong bài thơ.  - Nhận biết đặc điểm của ngôn từ nghệ thuật trong thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được ý nghĩa giá trị thẩm mĩ của ngôn từ, cấu tứ, hình thức, biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Phân tích, lí giải được vai trò của yếu tố tượng trưng trong bài thơ (nếu có).  - Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ.  - Lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ.  - Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của bài thơ.  - Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong bài thơ.  **Vận dụng:**  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của bài thơ đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân về những vấn đề văn học hoặc cuộc sống.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ bài thơ.  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ.  - Đánh giá được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tương trưng (nếu có) trong bài thơ.  - So sánh được hai văn bản thơ cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau.  - Mở rộng liên tưởng về vấn đề đặt ra trong bài thơ để hiểu sâu hơn bài thơ. |
| **3** | **Viết** | - Viết văn bản nghị luận về một đoạn trích/ tác phẩm truyện  - Hoặc viết văn bản nghị luận về một đoạn trích/ tác phẩm thơ | **Nhận biết**:  - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả,… của đoạn trích/tác phẩm.  - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu**:  - Trình bày được những nội dung khái quát của đoạn trích/ tác phẩm nghệ thuật  - Phân tích được những biểu hiện riêng của đoạn trích/ tác phẩm nghệ thuật (ví dụ: xây dựng cốt truyện, nghệ thuật tạo tình huống truyện, cách tổ chức trần thuật, lời văn, giọng điệu, điểm nhìn, cấu tứ, hình ảnh, …).  - Nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Nêu được những bài học rút ra từ đoạn trích/tác phẩm.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong đoạn trích/tác phẩm).  **Vận dụng cao:**  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,…để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 câu TL | | 40 |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | **30%** | **40%** | **20%** | **10%** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70%** | | **30%** | | |

**III. ĐỀ**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN - LỚP 11**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc bài thơ sau:**

Khi con tu hú(1) gọi bầy  
Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần  
Vườn râm dậy tiếng ve ngân  
Bắp(2) rây vàng hạt đầy sân nắng đào(3)  
Trời xanh càng rộng càng cao  
Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...  
  
Ta nghe hè dậy bên lòng  
Mà chân muốn đạp tan phòng(4), hè ôi!  
Ngột làm sao, chết uất thôi  
Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!

(Huế, tháng 7-1939)  
 Bài thơ *Khi con tu hú* được sáng tác trong nhà lao Thừa Phủ (Huế), khi tác giả mới bị bắt giam ở đây.  
Chú giải: (1) Tu hú: loài chim lông màu đen (con mái lông đen có đốm trắng), lớn hơn chim sáo, thường kêu vào đầu màu hè.

(2) Bắp: ngô.

(3) Nắng đào: nắng hồng.

(4) Phòng: ở đây là phòng giam.  
Nguồn:  
1. Tố Hữu, *Từ ấy*, NXB Văn học, Hà Nội, 1971  
2. *Thơ Tố Hữu*, NXB Giáo dục, 2003  
3. *Tinh tuyển văn học Việt Nam* (tập 7: *Văn học giai đoạn 1900-1945*), Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, NXB Khoa học xã hội, 2004

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1.** Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn Đường luật

B. Tự do

C. Lục bát

D. Song thất lục bát

**Câu 2**. Nhân vật trữ tình xuất hiện trực tiếp qua từ ngữ nào trong bài thơ?

A. Ta

B. Tôi

C. Con chim tu hú

D. Tác giả

**Câu 3**. Nhan đề của bài thơ “Khi con tu hú” được hiểu là:

A. nhan đề chỉ là một cụm từ chỉ thời gian (vẫn chưa đầy đủ), tiếng tu hú là một tín hiệu, báo hiệu mùa hè đến.

B. là nhan đề mở, mang ý nghĩa khơi nguồn, làm tiền đề cho những hình ảnh thiên nhiên tươi đẹp của mùa hè đến và cũng bắt đầu cho mạch cảm xúc bức bối tột độ và khao khát tự do cháy bỏng của nhà thơ.

C. là lời đặc tả chân thực bước chuyển mình cùng vẻ đẹp sôi động của mùa hè.

D. Cả A và B

**Câu 4.** Mạch cảm xúc của bài thơ là:

A. tình yêu thiên nhiên, tâm trạng ngột ngạt khi phải sống cảnh tù đày và khát vọng trở về với cuộc sống tự do.

B. là sự vui sướng khi cảm nhận được vẻ đẹp của cảnh mùa hè.

C. là tâm trạng u uất, đau khổ của người tù.

D. là trí tưởng tượng phong phú, tinh tế của một tâm hồn trẻ trung.

**Câu 5**. Dòng nào sau đây nhận xét đúng nhất về cảnh mùa hè được miêu tả trong bài thơ?

A. Tràn ngập âm thanh và màu sắc ảm đạm

B. Cảnh khoáng đạt, tự do rộn rã âm thanh, rực rỡ sắc màu và ngọt ngào hương vị

C. Ảm đạm, u ám

D. Có sắc màu tươi sáng

**Câu 6.** Tiếng chim tu hú trong câu thơ cuối bài thơ (“Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!”) có ý nghĩa gì?

A. Tiếng gọi vào hè náo nức rộn ràng

B. Âm thanh rộn rã của cảnh ngày hè

C. Tiếng gọi của tự do da diết và cháy bỏng

D. Tiếng báo hiệu kết thúc mùa hè

**Câu 7.** Hình ảnh nào sau đây thể hiện không gian khoáng đãng, tự do?

A. Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào

B. Đôi con diều sáo lộn nhào từng không…

C. Vườn râm dậy tiếng ve ngân

D. Lúa chiêm đang chín trái cây ngọt dần

**Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu sau**:

**Câu 8**. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê được sử dụng trong 6 câu thơ đầu?

**Câu 9**. Từ nội dung bài thơ trên, hãy viết đoạn văn khoảng 5 – 7 dòng, trình bày suy nghĩ của anh/chị về vai trò của cuộc sống tự do đối với mỗi con người.

**Câu 10**. Từ bài thơ trên, anh/chị rút ra bài học gì có ý nghĩa nhất cho bản thân trong cuộc sống?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn nghị luận phân tích cấu tứ và hình ảnh đặc sắc của bài thơ Khi con tu hú - Tố Hữu.

**III. HƯỚNG DÂN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
|  | **1** | C | 0.5 |
| **2** | A | 0.5 |
| **3** | D | 0.5 |
| **4** | A | 0.5 |
| **5** | B | 0.5 |
| **6** | C | 0.5 |
| **7** | B | 0.5 |
| **8** | - Biện pháp liệt kê: lúa chiêm, trái cây, ve ngân, bắp rây, nắng đào, diều sáo  - Tác dụng:  + Về nội dung: Mở ra trước mắt người đọc một bức tranh vào hè rực rỡ sắc màu, tràn đầy nhựa sống và vô cùng sinh động. Một thế giới rộn ràng, có màu sắc, âm thanh, hương vị ngọt ngào và một bầu trời khoáng đạt, tự do. Điều đó còn cho ta thấy sức cảm nhận mãnh liệt, tinh tế của một hồn thơ trẻ trung, yêu đời nhưng đang mất tự do và khao khát tự do đến cháy ruột cháy lòng.  + Về nghệ thuật: làm cho đoạn thơ tăng tính biểu cảm, ngắn gọn và dễ hiểu hơn.  *Lưu ý:*  *- Trả lời được biện pháp tu từ cho 0,25 điểm*  *- Trả lời được tác dụng như đáp án cho 0.75 điểm*  *- Trả lời được 1 tác dụng cho 0.5 điểm* | 1.0 |
| **9** | Yêu cầu  + Về hình thức: viết được đoạn văn  + Nội dung: vai trò của cuộc sống tự do đối với mỗi con người.  Sau đây là gợi ý nội dung của đoạn văn:  Vai trò của cuộc sống tự do:  – Giúp con người được làm những điều mình thích  – Giúp con người cảm thấy thoải mái, không bị bó buộc  – Giúp con người phát huy được mọi khả năng tiềm ẩn, khơi dậy niềm sáng tạo.  ……  *Lưu ý:*  *- Viết đúng hình thức đoạn văn cho 0,25 điểm*  *- Viết đúng nội dung, được 02 ý trở lên cho 0,75 điểm.*  *- Trả lời suy nghĩ của bản thân 01 ý cho 0.5 điểm.* | 1.0 |
| **10** | - Học sinh có thể tùy ý rút ra một bài học có ý nghĩa nhất theo quan điểm của bản thân, có sự lí giải hợp lí.  - Gợi ý, có thể là 1 trong những bài học sau:  + Đó là dù ở trong hoàn cảnh nào cũng phải khao khát sống và giữ cho mình tình yêu với cuộc đời. Bởi vì cuộc sống là một bản nhạc có nốt thăng nốt trầm, không phải lúc nào cũng chỉ có những khó khăn. Vì vậy, khó khăn rồi sẽ qua đi và điều tốt đẹp lại đến.  + Trong khó khăn, con người không nên gục ngã mà hãy giữ cho mình ngọn lửa của niềm tin yêu vào cuộc sống. Vì niềm tin và sự hi vọng sẽ giúp con người có động lực để vượt qua mọi khó khăn. Như người chiến sĩ Cách mạng không bao giờ từ bỏ hi vọng về một cuộc sống tự do tươi đẹp ngoài kia.  ………..  *Lưu ý:*  *- Trả lời được bài học có ý nghĩa nhất và có lí giải hợp lí cho 0,5*  *- Trả lời được bài học nhưng không có lí giải cho 0,25 điểm.* | 0.5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề | 0.5 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Phân tích cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ Khi con tu hú của Tố Hữu | 0.5 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:  **\* Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**  - Giới thiệu tác giả và tác phẩm: “Khi con tu hú” là bài thơ đặc sắc của tác giả Tố Hữu, được làm trong thời gian ông bị giam cầm ở Huế, in trong tập thơ “Từ ấy”.  - Nêu nội dung khái quát cần phân tích, đánh giá: cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ.  **\* Phân tích cấu tứ**  **- Nhan đề:** "Khi con tu hú" là vế phụ của một câu. Tên bài thơ đã gợi mở mạch cảm xúc của toàn bài, khi tiếng chim tu hú vang lên, đó là tín hiệu của mùa hè rực rỡ, sự sống tưng bừng của khoảng trời tự do và tác động mạnh mẽ đến tâm hồn người tù cách mạng.  **- Bố cục – mạch cảm xúc của bài thơ**  + 6 câu đầu: Bức tranh ngày hè vui tươi, sôi động  + 4 câu sau: Tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trữ tình đó là sự uất ức, đau khổ, cảm giác ngột ngạt và khao khát muốn thoát khỏi cảnh tù đày để trở về cuộc sống tự do.  **\* Phân tích hình ảnh trong bài thơ**  - Khung cảnh vào hè hiện lên thật kì diệu, vừa rộn rã âm thanh (tiếng tu hú, tiếng ve râm ran, tiếng sáo diều…); vừa rực rỡ sắc màu (màu lúa chín, màu bắp vàng, màu nắng hồng…); vừa ngọt ngào hương vị (trái cây ngọt dần…); vừa khoáng đạt tự do (trời cao, sáo diều nhào lộn tầng không…).  => Bức tranh ngày hè rộn ràng, tươi sáng, tràn trề nhựa sống. Qua đó thấy đươc tình yêu cuộc sống tha thiết và sự cảm nhận tinh tế của nhà thơ.  - Hình ảnh của nhân vật trữ tình: Khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp nhưng chỉ là trong trí tưởng tượng của nhà thơ khi đang trong nhà tù Thừa Phủ. Cảm xúc ngột ngạt, khao khát được tự do, đến với thiên nhiên, bầu trời được thể hiện qua cách nhà thơ sử dụng 1 loạt những động từ mạnh: “đập tan”, “chết uất” và các từ ngữ cảm thán “ôi”, “thôi”, “làm sao”; nhịp thơ ngắt quãng nhanh 6/2, 3/3, truyền đến cho người đọc cảm giác ngột ngạt tới cao độ của nhà thơ và khát khao cháy bỏng được trở về với tự do, với đồng đội. Mở đầu bài thơ bằng tiếng tu hú và kết thúc bằng tiếng tu hú, tiếng chim mở đầu bài thơ là tiếng gọi của tự do, của bầu trời bao la, tràn đầy sức sống. Kết thúc bài thơ là tiếng chim làm cho người tù cảm thấy đau khổ, bức bối hơn bao giờ hết vì bị giam hãm trong bốn bức tường nhà tù. Tiếng chim hót cũng gợi sự tự do, là biểu tượng của sự sống, khiến người tù khắc khoải, khao khát được ra tù để đắm mình trong tự do.  \* **Đánh giá chung:** Bài thơ có hai hệ thống hình ảnh đối lập nhau, một hệ thống hình ảnh nói về cuộc sống tươi đẹp, rộn rã ngoài kia, và một hệ thống hình ảnh nói về cảnh ngục tù ngột ngạt trong này. Một hệ thống hình ảnh thuộc về mơ ước, hồi tưởng và một hệ thống hình ảnh của hiện thực. Qua sự đối lập của hai hệ thống hình ảnh này, tác giả đã làm nổi bật lên cái tâm trạng tù túng, uất ức, qua đó thể hiện tình yêu cuộc sống, khát vọng tự do của chủ thể trữ tình.  **\* Khẳng định giá trị của bài thơ:** Bằng những yếu tố nghệ thuật đặc sắc, bài thơ “Khi con tu hú” đã thể hiện một cách chân thực những suy nghĩ, tâm trạng của người chiến sĩ cách mạng Tố Hữu khi bị giam cầm trong chốn lao tù, qua đó thấy được tình yêu cuộc sống, khát vọng tự do của tác giả.  Bài thơ là lời nhắc nhở mỗi chúng ta về công lao của những người chiến sĩ cách mạng đi trước. Bài thơ cũng giúp ta ý thức được giá trị của tự do, thêm yêu quý và trân trọng vẻ đẹp của cuộc sống.  *Hướng dẫn chấm:*  *- Viết đầy đủ, sâu sắc: 1,75 điểm – 2,0 điểm.*  *- Viết đầy đủ nhưng có ý còn chưa rõ: 1,25 điểm - 1,5 điểm.*  *- Viết chưa đầy đủ hoặc chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 1,0 điểm.* | 2.0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0.5 |
| **10.0** |  | 0.5 |
|  | | | **10.0** |